

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2019/KDTM -ST**

Ngày: 28/11/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – kiểm sát viên.

Ngày 28 /11/2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 169/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:158 /2019/QĐST- DS ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Trần Hữu D, Mỹ Đình, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trung H – giám đốc chi nhánh thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố B, tỉnh T

2. Bị đơn:

Ông Phan Văn K, sinh năm 1955

Địa chỉ: khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố B, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N ông Nguyễn Văn M trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 đã ký kết giữa Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Phan Văn K thì vào năm 2010 ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L có vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thời gian vay là 12 tháng ngày đến hạn là ngày 08/6/2011 hai bên sẽ thanh lý hợp đồng lãi suất hai bên thỏa thuận như sau:

- Lãi suất 14,5%/ 1 năm (hình thức lãi suất thả nổi)

- Hình thức thanh toán : trả theo kỳ

Ngày 09/6/2010 Ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt cho ông K nhận với số tiền: 65.000.00 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0073/2010/PK/HĐTC ngày 08/6/2010 thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 618 tờ bản đồ số 3 diện tích 542m² tọa lạc phường Phú Tân, thành phố Bến Tre ,tỉnh Bến Tre do ông Phan Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi như sau:

Vốn gốc tính đến ngày 28/11/2019 số tiền còn nợ là: 65.000.000đồng.

Lãi trong hạn: 45.147.014 đồng

Lãi quá hạn tính từ tháng 8/2010 đến ngày 28/11/2019 số tiền là 7.169.661 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 117.316.875 đồng.

Ngân hàng N.khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 117.316.875 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc hoàn trả không đủ số nợ thì ngân hàng yêu cầu ông K phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo theo hợp thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Văn K Tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa A tờ bản đồ số 3 diện tích 542m² tọa lạc phường P, thành phố B ,tỉnh T do ông Phan Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ngân hàng thu hồi nợ

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Phan Văn K vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan : bà Huỳnh Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật qui định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, vào ngày 20/3/2017 Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) và Ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L có giao kết với nhau hợp đồng vay tín dụng. Theo hợp đồng vay vợ chồng ông K có vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng, vợ chồng ông K không trả vốn gốc kỳ nào. Vợ chồng ông K không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K phải tiếp tục trả số tiền vốn gốc còn nợ là 65.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 8/2010 đến ngày 28/11/2019 số tiền là 52.316.875 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 117.316.875 đồng. Yêu cầu Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng vay, hình thức vay có thể chấp tài sản, mục đích vay phục vụ bổ sung vốn kinh doanh hộ gia đình, yêu cầu của ngân hàng được xem xét theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vợ chồng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, và hướng dẫn tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt K, bà L.

[3] *Nội dung tranh chấp:* Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông K ngày 08/6/2010 vợ chồng ông K có vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời gian vay là 12 tháng ngày đến hạn là ngày 08/6/2011 hai bên sẽ thanh lý hợp đồng. Theo Ngân hàng do vợ chồng ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và yêu cầu ông Phan Văn K giao tài sản đã thế chấp theo hợp đồng số 0073/2010/PK/HĐTC ngày 08/6/2010 đã ký.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu vợ chồng ông K trả số tiền 65.000.000 đồng chứng cứ Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông K trả số tiền trên là hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 đã được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông K.

[4.1] Về hình thức, hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 do nguyên đơn cung cấp và theo lời khai của nguyên đơn thì hợp đồng này do cán bộ tín dụng đại diện Ngân hàng xác lập với vợ chồng ông K vào thời điểm vay tại Ngân hàng. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự 2005.

[4.2] Về nội dung, hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 thể hiện vợ chồng ông K có vay tiền tại Ngân hàng số tiền vay 65.000.000

đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng với mức lãi suất là 14,5%/1 năm, căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và vợ chồng ông K là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005. Theo hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 và lời trình bày của nguyên đơn tại tòa, vợ chồng ông K và Ngân hàng sẽ thanh lý hợp đồng vào ngày 8/6/2011 nhưng đến hạn vợ chồng ông K không thực hiện hoàn vốn và thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào các điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng ông K còn nợ số tiền vốn gốc 65.000.000 đồng thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 474 và Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với phần lãi suất Ngân hàng yêu cầu trả lãi và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Theo bản tự khai, bảng kê tính gốc ngày 28/11/2019 số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/11/2019 số tiền là 52.316.875 đồng.

Xét thấy phần lãi suất là do sự tự nguyện thỏa thuận và tự nguyện giao kết giữa các bên, nên buộc vợ chồng ông K phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất trên số vốn vay dư nợ cho Ngân hàng là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nhưng vợ chồng ông K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và hợp đồng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 mà Ngân hàng cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của Ngân hàng.

[4.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Cơ sở pháp lý chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0073/2010/PK/HĐTC ngày 08/6/2010 đã ký kết giữa ngân hàng với vợ chồng ông K căn cứ vào nội dung hợp đồng trên Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo nợ vay của vợ chồng ông K, đã ký cam kết với bên có quyền là Ngân hàng thì phải thực hiện xử lý tài sản thế chấp như thỏa thuận là phù hợp theo qui định tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005. Trường hợp, vợ chồng ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý quyền sử dụng đất mà ông K đã ký chế chấp cho các khoản vay theo thỏa thuận giữa vợ chồng ông K và Ngân hàng tại Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 của hai hợp đồng thế chấp. Theo lời trình bày của Ngân hàng tại thời điểm các bên ký kết giao dịch các phần tài sản ký hợp đồng bảo đảm, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được phía Ngân hàng xem xét thẩm định và đã được thực hiện theo trình tự qui định và đề nghị thực hiện theo đúng thỏa thuận. Hội đồng xét thấy về hình thức và nội dung các hợp đồng thế chấp đã được thực hiện theo qui định tại 188 luật Đất đai năm 2013, vì vậy, ông K, bà L phải giao lại cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý phần đất theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết khi Ngân hàng có yêu cầu.

Ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải thực hiện nghĩa vụ dân sự L đối của người ký kết hợp đồng theo qui định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005 và trách nhiệm L đối của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.865.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122,124, 471, 474, 476 và 290,355,715 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ khoản 2 Điều 188 Luật đất đai năm 2013

Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới phải trả cho Ngân hàng N số tiền: 117.316.875 đồng (*một trăm mười bảy triệu ba trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).Trong đó vốn gốc dư nợ số tiền là 65.000.000đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*), số tiền lãi là 52.316.875 đồng (*năm mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm ngàn*)

Kể từ ngày 29/11/2019 Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền vốn vay, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7101-LAV-201001969/HĐTD ngày 08/6/2010 cho đến khi trả xong nợ.

2.Trong trường hợp ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L không có khả năng trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre buộc Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo Hợp đồng thế chấp số 0073/2010/PK/HĐTC ngày 08/6/2010 đã ký.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phan Văn K, bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp số tiền là 5.865.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.868.000 đồng (*hai triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) cho Ngân hàng theo biên lai thu số 0005183 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND. TP. Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan